

BẢN SAO

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH THANH HÓA
Số 25A- Đường Quang Trung- Phường Ngọc Trạo- Tp Thanh Hóa
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/12/2014
đã được kiểm toán

<u>Nội dung</u>	<u>Trang</u>
Báo cáo của Ban giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán	06-08
Báo cáo kết quả kinh doanh	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10-13

Báo cáo của Ban giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Hóa (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2014.

Công ty

Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Hóa là công ty cổ phần, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2800115518 đăng ký lần đầu ngày 04/03/2002, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 26/04/2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp, theo đó:

* Vốn điều lệ của Công ty là: 12.000.000.000 đồng (Mười hai tỷ đồng)

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Dịch vụ khách sạn;
- Bán buôn tổng hợp. Chi tiết: Dịch vụ thương mại và dịch vụ khác;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Chi tiết: Kinh doanh kho tàng, bến bãi;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Quản lý và kinh doanh nhà, cho thuê nhà và đất ở, cơ sở sản xuất kinh doanh,

Trụ sở chính tại: Số 25A- Đường Quang Trung- Phường Ngọc Trạo- Tp Thanh Hóa- Tỉnh Thanh Hóa.

Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên báo cáo tài chính.

Thành phần Hội đồng quản trị

Ông: Lê Sỹ Huy	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông: Lê Trọng Nam	Phó chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông: Lê Văn Đồng	Ủy viên Hội đồng quản trị

Thành phần Ban giám đốc công ty

Ông: Lê Trọng Nam	Giám đốc
-------------------	----------

Thành phần Ban kiểm soát

Bà: Nguyễn Thị Xuyên	Trưởng Ban kiểm soát
Ông: Lê Xuân Tịnh	Kiểm soát viên
Bà: Nguyễn Thị Ngọc	Kiểm soát viên

Công bố trách nhiệm của Ban giám đốc đối với Báo cáo tài chính

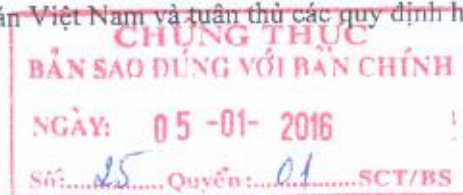
Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;

- Áp dụng và tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam đã ban hành;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà Nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám Đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2014, kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.



Thanh Hoá, ngày 19 tháng 01 năm 2015



CÔNG CHỨNG VIÊN
Trịnh Tiến Dũng



Số: 02/2015/BCKT-IFCTH

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Hóa

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Hóa (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 19 tháng 01 năm 2015 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày 31/12/2014 được trình bày từ trang 06 đến trang 13 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban giám đốc công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Công ty chưa trích lập dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi. Việc ghi nhận như vậy là chưa phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam. Các tài liệu của Công ty cho thấy, nếu trích lập dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi thì khoản mục "Các khoản phải thu ngắn hạn" trên Bảng cân đối kế toán sẽ giảm đi 276.146.581 VND. Đồng thời, trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, chỉ tiêu "Chi phí quản lý kinh doanh" sẽ tăng 276.146.581 VND, chỉ tiêu "Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh", "Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế" và "Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp" sẽ giảm đi tương ứng là 276.146.581 VND.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Hóa tại ngày 31/12/2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thanh Hoá, ngày 21 tháng 01 năm 2015

**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ
VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ TẠI THANH HÓA**



Giám đốc

Nguyễn Văn Quân

Giấy chứng nhận ĐKHNKT số 2034-2014-072-1



Kiểm toán viên

Lê Trọng Thanh

Giấy chứng nhận ĐKHNKT số 2373-2014-072-1



CÔNG CHỨNG VIÊN
Trình Tiến Dũng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
A Tài sản ngắn hạn	100		1.544.676.512	1.180.313.830
I Tiền và các khoản tương đương tiền	110		887.893.574	681.463.468
1 Tiền	111	III.01	887.893.574	681.463.468
2 Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1 Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2 Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
III Các khoản phải thu ngắn hạn	130		507.088.073	358.932.981
1 Phải thu của khách hàng	131		213.133.951	227.464.951
2 Trả trước cho người bán	132		98.000.000	58.000.000
3 Các khoản phải thu khác	138		195.954.122	73.468.030
4 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		-	-
IV Hàng tồn kho	140		81.715.313	88.832.293
1 Hàng tồn kho	141	III.02	81.715.313	88.832.293
2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V Tài sản ngắn hạn khác	150		67.979.552	51.085.088
1 Thuế GTGT được khấu trừ	151		-	-
2 Thuế và các khoản phải thu nhà nước	152		-	-
3 Tài sản ngắn hạn khác	158		67.979.552	51.085.088
B Tài sản dài hạn	200		9.171.414.849	9.963.576.539
I Tài sản cố định	210	III.03.04	8.242.717.193	8.940.940.282
1 Tài sản cố định			8.167.481.075	8.865.704.164
- Nguyên giá	211		20.989.304.047	21.288.458.710
- Giá trị hao mòn lũy kế	212		(12.821.822.972)	(12.422.754.546)
2 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	213		75.236.118	75.236.118
II Bất động sản đầu tư	220		-	-
- Nguyên giá	221		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	222		-	-
III Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	230		-	-
1 Đầu tư tài chính dài hạn	231		-	-
2 Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	239		-	-
IV Tài sản dài hạn khác	240		928.697.656	1.022.636.257
1. Phải thu dài hạn	241		-	-
2. Tài sản dài hạn khác	248		928.697.656	1.022.636.257
3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	249		-	-
Tổng cộng tài sản	250		10.716.091.361	11.143.890.369

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Nguồn vốn	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
A Nợ phải trả	300		1.899.148.701	1.990.521.132
I Nợ ngắn hạn	310		1.899.148.701	1.953.424.197
1 Vay và nợ ngắn hạn	311		-	108.000.000
2 Phải trả cho người bán	312		12.196.250	24.554.616
3 Người mua trả tiền trước	313		31.000.000	36.100.000
4 Thuế & các khoản phải nộp Nhà nước	314	III.05	1.821.222.451	1.744.241.776
5 Phải trả người lao động	315		-	-
6 Chi phí phải trả	316		-	-
7 Các khoản phải trả, phải nộp khác	318		34.730.000	40.889.916
8 Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323		-	(362.111)
9 Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	327		-	-
10 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	328		-	-
11 Dự phòng phải trả ngắn hạn	329		-	-
II Nợ dài hạn	330		-	37.096.935
1 Vay và nợ dài hạn	331		-	37.096.935
2 Dự phòng trợ cấp mất việc làm	332		-	-
3 Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	334		-	-
4 Quỹ khoa học và phát triển công nghệ	336		-	-
5 Phải trả, phải nộp dài hạn khác	338		-	-
6 Dự phòng phải trả dài hạn	339		-	-
B Nguồn vốn chủ sở hữu	400		8.816.942.660	9.153.369.237
I Vốn chủ sở hữu	410	III.06	8.816.942.660	9.153.369.237
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		11.998.800.000	11.998.800.000
2 Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3 Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4 Cổ phiếu quỹ (*)	414		-	-
5 Chênh lệch tỷ giá hối đoái	415		-	-
6 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	416		291.697.270	291.697.270
7 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	417		(3.473.554.610)	(3.137.128.033)
Tổng cộng nguồn vốn	440		10.716.091.361	11.143.890.369

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
1 Tài sản thuê ngoài		-	-
2 Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3 Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi		-	-
4 Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5 Ngoại tệ các loại		206,48	206,24
Trong đó:			
USD		206,48	206,24
6 Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Thanh Hóa, ngày 19 tháng 01 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

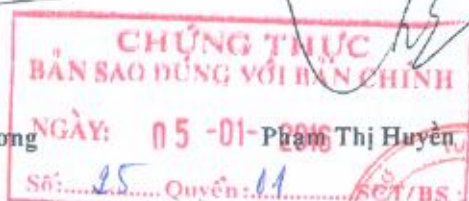
Giám đốc



Dương Thu Hương

NGÀY: 05-01-2015 Phạm Thị Huyền

Lê Trọng Nam

CÔNG CHỨNG VIÊN
Trình Tiến Dũng

Kết quả hoạt động kinh doanh
(Từ ngày 01/01/2014 đến 31/12/2014)

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số năm nay	Số năm trước
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	IV.07	7.616.789.096	7.971.662.442
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		7.616.789.096	7.971.662.442
4 Giá vốn hàng bán	11		1.621.637.128	1.686.684.436
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		<u>5.995.151.968</u>	<u>6.284.978.006</u>
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21		28.629.637	32.244.497
7 Chi phí tài chính	22		-	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8 Chi phí quản lý kinh doanh	24		6.397.730.789	6.801.260.819
9 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		<u>(373.949.184)</u>	<u>(484.038.316)</u>
10 Thu nhập khác	31		39.906.459	
11 Chi phí khác	32		2.383.852	-
12 Lợi nhuận khác	40		37.522.607	-
13 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	IV.08	<u>(336.426.577)</u>	<u>(484.038.316)</u>
14 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	51		-	
15 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(336.426.577)	(484.038.316)

Thanh Hóa, ngày 19 tháng 01 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

[Signature]

[Signature]



Giám đốc

Dương Thu Hương

Phạm Thị Huyền

Lê Trọng Nam

CHỨNG THỰC
BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Ngày: 05-01-2016
Số: 25 Quyển: 11



CÔNG CHỨNG VIÊN
Trịnh Tiến Dũng

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Hóa là công ty cổ phần, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2800115518 đăng ký lần đầu ngày 04/03/2002, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 26/04/2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp, theo đó:

* Vốn điều lệ của Công ty là: 12.000.000.000 đồng (Mười hai tỷ đồng)

Trụ sở chính tại: Số 25A- Đường Quang Trung- Phường Ngọc Trạo- Tp Thanh Hóa- Tỉnh Thanh Hóa.

Lĩnh vực kinh doanh

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Dịch vụ khách sạn;
- Bán buôn tổng hợp. Chi tiết: Dịch vụ thương mại và dịch vụ khác;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Chi tiết: Kinh doanh kho tàng, bến bãi;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Quản lý và kinh doanh nhà, cho thuê nhà và đất ở, cơ sở sản xuất kinh doanh,

II. Chính sách kế toán áp dụng tại doanh nghiệp

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và thông tư số 138/2011/TT-BTC ngày 04/10/2011 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn, sửa đổi bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy tính.

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao theo thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ tài chính V/v: Thực hiện chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay"

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên bảng cân đối kế toán là chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh hoặc đánh giá lại cuối kỳ của các khoản mục có gốc ngoại tệ của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

III. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong bảng cân đối kế toán

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2014	01/01/2014
Tiền mặt	129.520.000	174.105.000
Tiền gửi ngân hàng	758.373.574	507.358.468
Tiền Việt Nam	753.960.064	503.062.975
Ngoại tệ	4.413.510	4.295.493
(Tại ngày 31/12/2014 số ngoại tệ là 206,48 USD; tỷ giá giao dịch là 21.375VND/USD)		
Cộng	887.893.574	681.463.468

	31/12/2014	01/01/2014
2. Hàng tồn kho		
- Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	9.598.100	20.442.913
- Công cụ, dụng cụ trong kho	5.700.000	-
- Hàng hóa tồn kho	66.417.213	68.389.380
Cộng	81.715.313	88.832.293

3. Tăng, giảm Tài sản cố định hữu hình

Chi tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
I. Nguyên giá TSCĐ HH						
1. Số dư đầu kỳ	16.616.814.927	1.849.934.069	560.820.633	-	115.334.681	19.142.904.310
2. Số tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	-
3. Số giảm trong kỳ	-	219.292.663	-	-	79.862.000	299.154.663
4. Số cuối kỳ	16.616.814.927	1.630.641.406	560.820.633	-	35.472.681	18.843.749.647
II. Giá trị đã hao mòn lũy kế						
1. Số dư đầu kỳ	9.447.637.048	1.396.208.198	300.154.406	-	106.869.918	11.250.869.574
2. Số tăng trong kỳ	379.480.632	147.290.080	55.710.868	-	8.464.763	590.946.345
3. Số giảm trong kỳ	-	219.292.663	-	-	79.862.000	299.154.663
- Thanh lý, nhượng bán	-	219.292.663	-	-	79.862.000	299.154.663
4. Số cuối kỳ	9.827.117.680	1.324.205.615	355.865.274	-	35.472.681	11.542.661.256
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu kỳ	7.169.177.879	453.725.871	260.666.227	-	8.464.763	7.892.034.736
2. Tại ngày cuối kỳ	6.789.697.247	306.435.791	204.955.359	-	-	7.301.088.391

4. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Chi tiêu	Quyền sử dụng đất	Phần mềm quản lý	Bản quyền, bằng sáng chế	TSCĐ vô hình khác (Lợi thế thương mại)	Cộng
I. Nguyên giá TSCĐ vô hình						
1. Số đầu năm	-	-	-	-	2.145.554.400	2.145.554.400
2. Số tăng trong năm	-	-	-	-	-	-
3. Số giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
4. Số cuối năm	-	-	-	-	2.145.554.400	2.145.554.400
II. Giá trị đã hao mòn lũy kế						
1. Số dư đầu năm	-	-	-	-	1.171.884.972	1.171.884.972
2. Số tăng trong năm	-	-	-	-	107.276.744	107.276.744
- Khấu hao trong năm	-	-	-	-	107.276.744	107.276.744
3. Số giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm	-	-	-	-	1.279.161.716	1.279.161.716
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu kỳ	-	-	-	-	973.669.428	973.669.428
2. Tại ngày cuối kỳ	-	-	-	-	866.392.684	866.392.684

	31/12/2014	01/01/2014
5. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		
- Thuế GTGT	135.671.651	58.690.976
- Thuế nhà đất và tiền thuế đất	1.685.550.800	1.685.550.800
Cộng	1.821.222.451	1.744.241.776

6. Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu:

Chỉ tiêu	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
A	1	2	3	4
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	11.998.800.000	-	-	11.998.800.000
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	(362.111)	362.111	-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	291.697.270	-	-	291.697.270
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(3.137.128.033)	(336.426.577)	-	(3.473.554.610)

IV. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Năm nay	Năm trước
7. Chi tiết doanh thu và thu nhập khác		
Doanh thu bán hàng:		
Doanh thu cung cấp dịch vụ:	7.616.789.096	7.971.662.442
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ ăn, uống</i>	2.367.121.836	2.377.063.737
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ khác</i>	1.788.999.988	1.430.523.168
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ từ hành</i>	1.144.382.728	1.289.535.771
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ lưu trú</i>	2.316.284.544	2.434.270.906
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ giặt là</i>	-	440.268.860
Doanh thu hoạt động tài chính:	28.629.637	32.244.497
- Lãi tiền gửi ngân hàng	28.629.637	32.244.497
Cộng	7.645.418.733	8.003.906.939
8. Điều chỉnh các khoản tăng, giảm thu nhập chịu thuế TNDN	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(336.426.577)	(484.038.316)
Các khoản thu nhập không tính vào thu nhập chịu thuế TNDN	-	-
Các khoản chi phí không được khấu trừ vào thu nhập chịu thuế TNDN	59.400.000	-
Số lỗ chưa sử dụng (Lỗ các năm trước được trừ vào lợi nhuận trước thuế)	3.137.128.033	2.653.089.717
Số thu nhập chịu thuế TNDN trong năm	(3.414.154.610)	(3.137.128.033)

V. Những thông tin khác

1. Các giao dịch với các bên liên quan

Thu nhập trả cho Ban Giám đốc, Hội đồng quản trị, Kế toán trưởng công ty trong năm 2014 là: 242.235.072 đồng.

2. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán HDT Việt Nam. Số: 25/2014. Quyển: 01. SCT/BS

3. Tính hoạt động liên tục

Không có dấu hiệu nào cho thấy hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty diễn ra không liên tục.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Thanh Hóa, ngày 19 tháng 01 năm 2015

Dương Thu Hương

CÔNG CHỨNG VIÊN
Trịnh Tiến Dũng

Phạm Thị Huyền

